

Số: /2025/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định biện pháp thi hành một số nội dung về kiểm tra,
rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 128/TTr-STP ngày 29 tháng 7 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định biện pháp thi hành một số nội dung về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định biện pháp thi hành một số nội dung về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2025 và thay thế Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Cục KTVB và Quản lý XLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh, Báo và Đài PTTH tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, đơn vị;
- Lưu: VT, NC_(PVD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thanh Sơn

QUY ĐỊNH

Biện pháp thi hành một số nội dung về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định biện pháp thi hành một số nội dung về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, bao gồm: thẩm quyền, trách nhiệm giúp Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra văn bản theo thẩm quyền; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành).

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là cấp xã); Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản được kiểm tra tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

3. Người trực tiếp tham gia kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thẩm quyền, trách nhiệm giúp Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở, ban, ngành đã chủ trì soạn thảo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan mình tham mưu ban hành.

2. Cơ quan đã chủ trì soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm chủ trì giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật do cơ quan mình tham mưu ban hành.

3. Sở Tư pháp là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 4. Kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra văn bản theo thẩm quyền

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm tra

a) Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

b) Văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đối với văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương cấp xã ban hành.

c) Văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc kiểm tra văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Tư pháp ban hành kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật thuộc thẩm quyền kiểm tra của Ủy ban nhân dân tỉnh tại khoản 1 Điều này; xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan có văn bản được kiểm tra về việc xem xét lại kết luận kiểm tra văn bản do Sở Tư pháp đã ban hành theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Các sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan mình.

3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Chủ trì thực hiện rà soát văn bản về lĩnh vực tư pháp và rà soát văn bản theo chuyên đề liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật định kỳ 05 năm một lần; tổng hợp, kiểm tra, lập các danh mục văn bản, sắp xếp các văn bản còn hiệu lực thành Tập hệ thống hóa văn bản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hành chính để công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hằng năm.

e) Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Lấy ý kiến kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Cơ quan chủ trì thực hiện rà soát tại khoản 2, 3 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm lấy ý kiến các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan về kết quả rà soát,

hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, trường hợp cần thiết tổ chức họp trao đổi, thảo luận để lấy ý kiến về kết quả rà soát.

2. Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo đề nghị của cơ quan chủ trì rà soát, văn bản tham gia ý kiến phải nêu rõ nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất hoặc ý kiến khác (nếu có).

3. Về việc xin ý kiến đối với kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành

a) Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả hệ thống hóa nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 5 Quy định này.

b) Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả tổng hợp danh mục nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 5 Quy định này.

Điều 7. Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Trên cơ sở kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, các sở, ban, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trong trường hợp tại một thời điểm có nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc nhiều ngành, nhiều lĩnh vực cần bãi bỏ, Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết hoặc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định theo thẩm quyền để bãi bỏ theo hình thức một văn bản bãi bỏ nhiều văn bản.

3. Sở Tư pháp là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật theo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 8. Chế độ báo cáo

1. Hằng năm, trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo

Bộ Tư pháp về công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Thời hạn gửi báo cáo, thời điểm lấy số liệu báo cáo hằng năm về công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 9. Sử dụng chuyên gia, cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Trong quá trình kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Thủ trưởng các sở, ban, ngành được sử dụng chuyên gia, cộng tác viên phù hợp, được lựa chọn theo tiêu chí cụ thể cho từng công việc theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng, quản lý, sử dụng đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Điều 10. Nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

1. Người làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được hưởng các chế độ, chính sách, bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước bảo đảm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị làm việc, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

3. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thi hành, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy định này./.